TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 89/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 31 - 8 - 2023
V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Huỳnh Thị Thùy Dương;
2. Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Trần Đình Anh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một *tham gia phiên tòa*: Bà Lưu Kim Hằng – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 304/2023/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2023 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 82/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1977; địa chỉ: Số D, đường H, Tổ D, khu phố C, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có mặt.

2. *Bị đơn*: Bà Nguyễn Thị Phương A, sinh năm 1970; địa chỉ: Số B, đường C, Tổ G, Khu phố A, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Trong đơn khởi kiện ngày 21/6/2023 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:*** Ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Phương A tự nguyện tìm hiểu nhau và đăng ký kết hôn tại UBND phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương vào ngày 21/7/2014. Quá trình chung sống, vợ chồng sống với nhau hạnh phúc được một thời gian ngắn sau đó đã xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau. Do không thể tiếp tục sống chung với nhau nên vợ chồng đã sống ly thân được 06 tháng nay. Nay ông nhận thấy, tình cảm vợ chồng dành cho nhau không còn, mạnh ai người đó sống, không còn quan tâm gì đến nhau nên ông T làm đơn này yêu cầu được ly hôn với bà Nguyễn Thị Phương A.

- Về con chung: Quá trình chung sống, ông T và bà A không có con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Bị đơn bà Nguyễn Thị Phương A trình bày***: Bà thống nhất với lời trình bày của ông T về thời gian kết hôn, đăng ký kết hôn. Về mâu thuẫn vợ chồng: Nguyên nhân dẫn

đến vợ chồng mâu thuẫn là do ông T có mối quan hệ khác ngoài hôn nhân chứ không phải bất đồng quan điểm sống như ông T đã trình bày. Khi biết được ông T có mối quan hệ khác, bà đã dọn ra ngoài sống cho đến nay được 06 tháng. Đến nay tình cảm vợ chồng dành cho nhau không còn nhưng do ông T không đồng ý chia tài sản cho bà nên bà không đồng ý ly hôn, khi nào ông T chia cho bà chi phí sữa chữa lại căn nhà mà hiện nay ông T đang sinh sống tại địa chỉ số D, đường H, Tổ D, khu phố C, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương khoảng 20.000.000đ và Honda F mang tên ông Nguyễn Văn T cho bà thì bà mới đồng ý ký ly hôn.

- Về con chung: Quá trình chung sống, bà A và ông T không có con chung.

- Về tài sản chung: Ngày 31/7/2023, Tòa án cho bà thời hạn 05 ngày kể từ ngày 31/7/2023 để bà làm đơn yêu cầu chia tài sản chung là chi phí sữa chữa lại căn nhà mà hiện nay ông T đang sinh sống tại địa chỉ số D, đường H, Tổ D, khu phố C, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương khoảng 20.000.000đ và Honda F mang tên ông Nguyễn Văn T nhưng do bà không có thời gian nên bà không làm đơn yêu cầu, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

- Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

+ Nguyên đơn ông T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

+ Bị đơn bà A xác định không còn tình cảm dành cho ông T, bà đồng ý ly hôn nhưng với điều kiện ông T phải chia cho bà chi phí mà bà với ông T bỏ ra sửa chữa nhà. Về tài sản chung bà A xác định bà vẫn yêu cầu ông T chia cho bà chi phí sữa chữa nhà nhưng bà không có thời gian nên bà không làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung.

**** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến***:

+ Về tố tụng: Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố Tụng dân sự. Nguyên đơn và bị đơn đã chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại các điều 70, 71, 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đại diện Viện kiểm sát không có ý kiến và yêu cầu khắc phục gì thêm về tố tụng.

+ Về mặt nội dung: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nhận thấy: Mâu thuẫn giữa ông T và bà A đã trầm trọng, không thể hàn gắn làm cho mục đích của hôn nhân không đạt được nên đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Về con chung: Các đương sự không có, không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết. Về tài sản chung: Bà A yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung nhưng Tòa án đã cho bà A thời hạn để bà A nộp đơn yêu cầu nhưng bà A đã không thực hiện nên không xem xét, giải quyết. Về nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, qua ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông T và bà A kết hôn, có đăng ký kết hôn tại phường

C, thành phố T, tỉnh Bình Dương vào ngày 21/7/2014 theo đúng quy định về đăng ký kết hôn tại Điều 8 và Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình. Nguyên đơn ông T cho rằng: Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, nay ông T xác định không còn tình cảm với bà A, vợ chồng cũng đã sống ly thân được 06 tháng nay nên ông yêu cầu được ly hôn với bà Nguyễn Thị Phương A. Bị đơn bà A cho rằng, nguyên nhân vợ chồng xảy ra mâu thuẫn là do T có mối quan hệ khác ngoài hôn nhân nên bà đã dọn ra ngoài sống cho đến nay được 06 tháng. Đến nay tình cảm bà dành cho ông T không còn nhưng do ông T không đồng ý chia cho bà số tiền mà bỏ ra sửa nhà nên bà không đồng ý ký ly hôn, khi nào ông T chia cho bà thì bà mới đồng ý ký ly hôn.

Xét thấy: Quá trình giải quyết vụ án, ông T và bà A xác định vợ chồng đã xảy ra muân thuẫn, tình cảm vợ chồng dành cho nhau không còn và hiện nay đã sống ly thân được 06 tháng. Phía bà A không đồng ý ly hôn chỉ là do ông T không chia tài sản cho bà, chứ không phải vợ chồng không xảy ra mâu thuẫn, cũng không phải do bà đang còn tình cảm dành cho ông T nên Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng mâu thuẫn giữa ông T và bà A đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc ông T yêu cầu được ly hôn với bà A là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Ông T và bà A khai không có con chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết. Tại biên bản làm việc ngày ngày 31/7/2023 và quá trình giải quyết, Tòa án cho bà A thời hạn để bà làm đơn yêu cầu chia tài sản chung là chi phí sữa chữa lại nhà mà hiện nay ông T đang sinh sống tại địa chỉ số D, đường H, Tổ D, khu phố C, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương khoảng 20.000.000đ và 01 xe Honda Futer mang tên ông Nguyễn Văn T nhưng bà A cho rằng bà không có thời gian nên bà không làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xét thấy: Tòa án đã giải thích và cho bà A thời hạn để bà A làm đơn yêu cầu nhưng bà A vẫn không làm. Tại phiên tòa, bà A vẫn xác định bà không làm đơn yêu cầu. Do bà A không có đơn yêu cầu nên Tòa án không xem xét đối với yêu cầu chia tài sản chung của bà A, bà A có thể khởi kiện thành vụ án khác sau này nếu có yêu cầu.

[5] Về nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[6] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm là có căn cứ.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Khoản 1 Điều 203, Khoản 1 Điều 227, 228, 238, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các điều 51, 56, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Phương A về việc "Ly hôn".

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn T được ly hôn với bà Nguyễn Thị Phương A

- Về con chung: Các đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn T phải chịu số tiền 300.000^{đ} (Ba trăm nghìn đồng), được trừ hết vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2021-0003306 ngày 07/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

3. Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- TAND, VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thủ Dầu Một;
- Chi cục THADS thành phố Thủ Dầu Một;
- UBND phường Chánh Mỹ;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Thị Hằng

Nơi nhận:
- TAND, VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thủ Dầu Một;
- Chi cục THADS thành phố Thủ Dầu Một;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Hoa Hạnh